

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 796/2020/HS-PT
Ngày: 30-9-2020**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Hà.

Các Thẩm phán: Ông Mai Văn Quang và ông Lưu Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Tuấn Dũng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 669/2020/TLPT-HS ngày 28/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 613/2020/QĐXXPT-HS ngày 11/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/HSPT-QĐ ngày 22/9/2020 đối với bị cáo Nguyễn Đức H1 và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2020/HS-ST ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. NGUYỄN ĐỨC H1, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1996; ĐKNKTT và trú tại: Tổ 03, phường CT (số nhà 40 phố Trưng Trắc), thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; *nghề nghiệp:* Lao động tự do; *trình độ học vấn:* 10/12; *quốc tịch:* VI3 Nam; *dân tộc:* Kinh; *tôn giáo:* Không; con ông Nguyễn Đức Tr (Đã chết) và bà Trần Thị NC; *tiền án, tiền sự:* Chưa; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 31/12/2019 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. LƯU ĐỨC D2, sinh ngày 28 tháng 5 năm 1996; ĐKNKTT và trú tại: Tổ 08 (số nhà 03 phố Xuân Thủy), phường CT, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; *nghề nghiệp:* Lao động tự do; *trình độ học vấn:* 12/12; *quốc tịch:* VI3 Nam; *dân tộc:* Kinh; *tôn giáo:* Không; con ông Lưu Đức Th và bà Nguyễn Thúy V; *tiền án, tiền*

sự: Chưa; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 31/12/2019 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. TRỊNH ĐỨC VIỆT, sinh năm 1990; ĐKNKTT và trú tại: Tổ 7, phường CT, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: VI3 Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Đại Đ và bà Bùi Ngọc Đ; tình trạng hôn nhân: Có vợ đã ly hôn là Nguyễn Thị Mai H và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 08/11/2011, Công an thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/10/2019 đến ngày 29/11/2019 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Hoàng Đức C4 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Bị hại không có kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1993; trú tại: Tổ 08, phường CT, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 29/01/2019, chị Nguyễn Thị Ánh N đến cửa hàng H88 của Nguyễn Đức H1 ở số 116 đường An Dương Vương, phường CT, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc để hỏi vay 50.000.000 đồng; H1 yêu cầu phải có tài sản thế chấp thì mới cho vay. Đến khoảng 16 giờ ngày 01/02/2019, chị Nguyễn Thị Ánh N đi cùng một người đàn ông xưng tên là Nguyễn Mạnh C đến cửa hàng H88 làm thủ tục thế chấp chiếc xe Honda SH125 biển kiểm soát 88-H1-283.83 đứng tên đăng ký chồng chị N là anh Nguyễn Mạnh C (Sinh năm 1990; trú tại: Tổ 03, phường CT, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc) để vay tiền. H1 và chị N thống nhất làm thủ tục bán chiếc xe cho H1 với giá 30.000.000 đồng; H1 làm hợp đồng cho người đàn ông đi cùng chị N ký giấy bán xe và H1 cho thuê lại chiếc xe với số tiền thuê là 1.500.000 đồng/01 tháng, thời hạn thuê là 30 ngày kể từ ngày 01/02/2019 đến ngày 01/3/2019. Quá trình điều tra xác định bản chất của sự việc mua bán trên là chị N và người tên C đi cùng đến vay tiền của Nguyễn Đức H1 và thế chấp chiếc xe mô tô trên; đến hạn, chị N không trả tiền.

Khoảng 19 giờ ngày 30/7/2019, Nguyễn Đức H1 rủ Trịnh Đức VI3, Lưu Đức D2 và Hoàng Đức C4 đi dự khai trương cửa hàng tại thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Khi đi đến tổ Xuân Mai, phường PT, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc thì Lưu Đức D2 gặp và rủ bạn là Phạm Quốc B (Sinh năm

1998; trú tại: Tổ 5, phường CT, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc) và Nguyễn Quang T (Sinh ngày 02/03/2002; trú tại: Tổ 06, phường CT, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc) cùng đi dự khai trương. Cả nhóm đi xe mô tô trên đường 35 về thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh. Khi qua địa phận thôn Bảo Tháp, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh nơi chị Nguyễn Thị Ánh N mở cửa hàng ăn đêm; H1 phát hiện ở ngoài cửa quán dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125 không có biển kiểm soát, có đặc điểm giống chiếc xe chị N đã cầm cố. H1 bảo cả nhóm dừng xe rồi cùng với D2 và VI3 đi vào trong quán; C4 đứng ở cửa quán, B và T đứng ở ngoài đường; H1 gặp và hỏi chị N: “Xe của tao đâu? Mà định thế nào?” thì chị N không nói gì. Thấy vậy, H1 kiểm tra chiếc xe mô tô Honda SH125 không biển kiểm soát thì thấy số khung, số máy trùng với chiếc xe trước đó chị N đã cầm cố. H1 nói với chị N: “Mày đưa chìa khóa đây để tao đi xe về”; chị N trả lời: “Khóa xe em để ở nhà, anh chở em về lấy chìa khóa”. H1 bảo VI3 và D2 chờ chị N về lấy chìa khóa, thì H1 nhìn thấy chị N cất 01 chùm chìa khóa vào trong túi quần soóc đang mặc nên H1 hô: “A... chìa khóa xe đây rồi”; đồng thời giằng tay của chị N để lấy chìa khóa trong túi quần soóc. D2 thấy vậy chạy đến giữ hai tay chị N để H1 và VI3 giằng chìa khóa; chị N tay giữ chìa khóa ở túi quần hô: “Cướp cướp” thì H1 cầm 01 chiếc điều cày ở trong quán giơ lên dọa đánh, còn VI3 dùng tay đánh vào đầu chị N; chị N bỏ tay khỏi túi quần để giơ tay lên đỡ thì H1 giật lấy chùm chìa khóa làm túi quần chị N bị rách. Sau khi lấy được chìa khóa xe, H1 đưa cho D2 để D2 điều khiển chiếc xe mô tô Honda SH125 không đeo biển kiểm soát và cùng H1, VI3 và C4 đi về cửa hàng H88 của H1. Sau khi sự việc xảy ra, chị N đã đến Công an xã Kim Hoa, huyện Mê Linh trình báo sự việc.

Quá trình điều tra đã thu giữ của Nguyễn Đức H1: 01 xe mô tô Honda SH125 màu đen - bạc không biển kiểm soát; 01 chứng nhận đăng ký xe Honda SH125, biển kiểm soát 88-H1-283.83 số 004755 mang tên Nguyễn Mạnh C; 01 chứng nhận đăng ký xe Honda SH125, biển kiểm soát 88-H1-283.83 số 003886 mang tên Nguyễn Mạnh C; 01 giấy bán xe của Nguyễn Mạnh C đề ngày 01/02/2019; 01 hợp đồng thuê xe của Nguyễn Mạnh C đề ngày 01/02/2019; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Mạnh C; 01 chùm chìa khóa; 01 giấy chứng nhận kết hôn số 14 quyển số 01/2014. Thu giữ của chị Nguyễn Thị Ánh N: 01 biển số xe 88-H1-283.83; 01 quần soóc bò màu xám, phần ống bị rách; 01 điều cày bằng tre dài 62 cm, đường kính 05cm, bên ngoài quấn băng dính màu đen; 01 đôi dép tông đế vàng, quai đen bị đứt; 01 đôi tông đế trắng, quai xanh, bị đứt chiếc bên phải.

Tại kết luận định giá tài sản số 103/TBKL-HĐĐG ngày 27/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mê Linh kết luận: *“01 chiếc xe máy Honda SH125i, màu đen bạc, số khung: RLHJF7309GY126067, số máy: JF73E0126124, đăng ký biển số lần đầu ngày 24/01/2019: 88-H1-283.83 có giá trị 73.150.000 đồng”*.

Tại bản kết luận giám định số 37/KL-PC09-Đ3 ngày 03/01/2020 và số 480/KLGD-PC09-Đ4 ngày 14/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận: *{Số khung, số máy của chiếc xe mô tô Honda SH biển kiểm soát 88-H1-283.83 nói trên là số nguyên thủy. Chữ ký dạng viết tên “Cường”, chữ viết dòng họ tên “Nguyễn Mạnh C” dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định với chữ viết đứng tên Nguyễn Mạnh C trên các mẫu so sánh không phải là chữ do cùng một người viết ra. “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 004755; tên chủ xe Nguyễn Mạnh C; địa chỉ: Tổ 8, Trung Trắc, Phúc Yên, V/Phúc không phát hiện thấy dấu vết tẩy xóa, sửa chữa; hình dấu, chữ ký trên giấy với hình dấu, chữ ký trên mẫu so sánh do cùng một con dấu in ra và là chữ ký do cùng một người ký ra. “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 003886; tên chủ xe Nguyễn Mạnh C; địa chỉ: Tổ 8, Trung Trắc, Phúc Yên, V/Phúc là chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả}*.

Đối với Hoàng Đức C4 không tham gia vào việc dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt chiếc xe mô tô Honda SH125 của chị Nguyễn Thị Ánh N nhưng C4 có đi cùng vào trong quán, chứng kiến toàn bộ diễn biến hành vi cướp tài sản của Nguyễn Đức H1, Lưu Đức D2 và Trịnh Đức VI3 nhưng không có hành động ngăn cản, không giúp đỡ người bị hại và sau khi xảy ra sự việc C4 không tố giác sự việc đến cơ quan có thẩm quyền.

Khi nhóm của Nguyễn Đức H1 dùng xe vào trong quán ăn đêm của chị Nguyễn Thị Ánh N đánh cãi nhau, Phạm Quốc B và Nguyễn Quang T đi về, không biết sự việc xảy ra nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Quá trình điều tra xác định người đàn ông tự xưng tên C đi cùng với chị N đứng tên trong giấy bán xe và ký hợp đồng thuê lại chiếc xe Honda SH125, biển kiểm soát 88-H1-283.83 với Nguyễn Đức H1 không phải là anh Nguyễn Mạnh C, chồng chị N. Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân của người này nên đã ra quyết định tách tài liệu liên quan đến giấy bán xe; hợp đồng thuê lại chiếc xe và hành vi làm giả 01 đăng ký xe mô tô, xe máy Honda 125, biển kiểm soát 88-H1-283.83 số 003886 mang tên Nguyễn Mạnh C, bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Các bị cáo Nguyễn Đức H1, Lưu Đức D2 và Trịnh Đức VI3 đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ánh N 10.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2020/HS-ST ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Mê Linh đã áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 390; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; (*Điều 54 đối với Lưu Đức D2, Trịnh Đức VI3*); Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đức H1 07 năm tù; Lưu Đức D2 và Trịnh Đức VI3, mỗi bị cáo 06 năm tù đều về tội “*Cướp tài sản*”; thêm điểm i khoản 1 Điều 51 và Điều 65, xử phạt Hoàng Đức C4 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội “*Không tố giác tội phạm*”.

Ngày 15/7/2020, các bị cáo Nguyễn Đức H1, Lưu Đức D2 và Trịnh Đức VI3 đều kháng cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa: Các bị cáo kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; khai nhận hành vi vi phạm, nhận lỗi và đề nghị được xem xét khoan hồng. Chị Nguyễn Thị Ánh N đề nghị giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 331; 332; 333 và 334; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về hình thức và nội dung, sửa bản án sơ thẩm, cụ thể: Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 168; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đức H1 từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù; xử phạt Lưu Đức D2 và Trịnh Đức VI3 từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù đều về tội “*Cướp tài sản*”; giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án này, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định các bị cáo Nguyễn Đức H1, Lưu Đức D2 và Trịnh Đức VI3 có kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận về hình thức.

[2] *Về nội dung*: Căn cứ lời khai của các bị cáo; lời khai của bị hại; lời khai của những người làm chứng; Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể; các giấy tờ, tài sản đã thu giữ; các Bản kết luận giám định, định giá tài sản; các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xuất phát từ việc vay mượn tài sản trước đó giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và Nguyễn Đức H1; Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/7/2019, tại cửa hàng ăn đêm của chị Nguyễn Thị Ánh N ở thôn Bảo Tháp, xã Kim Hoa, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội; Nguyễn Đức H1, Lưu Đức D2 và Trịnh Đức VI3 đã dùng vũ lực, sử dụng điều cày là hung khí nguy hiểm đe dọa để chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Ánh N chiếc xe mô tô Honda SH125i, biển kiểm soát 88-H1-283.83 có giá trị theo định giá là 73.150.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Đức H1, Lưu Đức D2 và Trịnh Đức VI3 bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về đồng phạm tội “*Cướp tài sản*” với các tình tiết tăng nặng định khung “*Sử dụng phương tiện nguy hiểm*” và “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản; xâm phạm và đe dọa đến sức khỏe, tinh thần của người khác; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội nghiêm trọng tại địa phương. Các bị cáo đều là những người có nhận thức, hiểu biết nhưng lại hành xử thiếu văn hóa, không chuẩn mực và vi phạm pháp luật hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là đúng và thỏa đáng.

Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn với vai trò chính là bị cáo Nguyễn Đức H1; Nguyễn Đức H1 là người khởi xướng hành vi phạm tội và thực hiện tội phạm tích cực nhất, sử dụng điều cày đe dọa chị N; Lưu Đức D2 và Trịnh Đức VI3 tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức; D2 giữ tay chị N để H1 và VI3 giằng chìa khóa xe; VI3 dùng tay đánh vào đầu chị N. Về nhân thân, Trịnh Đức VI3 từng bị xử phạt hành chính về hành vi gây thương tích, đã được xóa; Nguyễn Đức H1 và Lưu Đức D2 chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo nhất thời phạm tội lần đầu; sau khi phạm tội đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi; vai trò; thái độ; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên của từng bị cáo; và xét nguyên nhân sau xa dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo có phần lỗi của bị hại nên Tòa án

cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để cá thể hóa hình phạt, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H1 07 năm tù; xử phạt các bị cáo Lưu Đức D2 và Trịnh Đức VI3 cùng 06 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[4] *Về án phí phúc thẩm:* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, cụ thể:

1.1) Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đức H1 **07 (Bảy)** năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (*Từ ngày 09/10/2019 đến ngày 31/12/2019*).

1.2) Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lưu Đức D2 **06 (Sáu)** năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (*Từ ngày 09/10/2019 đến ngày 31/12/2019*).

1.3) Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trịnh Đức VI3 **06 (Sáu)** năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (*Từ ngày 14/10/2019 đến ngày 29/11/2019*).

1.4) Nguyễn Đức H1, Lưu Đức D2 và Trịnh Đức VI3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Đức C4; về xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm không có kháng cáo,

kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TT Lý lịch tư pháp QG - Bộ Tư pháp;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- TAND huyện Mê Linh;
- VKSND huyện Mê Linh;
- Công an huyện Mê Linh;
- THADS huyện Mê Linh;
- UBND phường CT, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Nam Hà